

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

ĐINH DOÃN CƯỜNG

**HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI CÁC CÔNG TY
CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN THAN THUỘC
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 9.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Hà Nội, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS,TS. Nguyễn Thị Lôi

2. TS. Trần Văn Hồng

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước

chấm luận án tiến sĩ họp tại

vào hồi giờ ngày tháng năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) là các doanh nghiệp mũi nhọn trong quá trình thúc đẩy sự phát triển của Tập đoàn nói riêng và ngành than cả nước nói chung. Theo thực tế khảo sát những năm gần đây, các công ty cổ phần khai thác và chế biến than đang đứng trước yêu cầu bức thiết phải tái cơ cấu một cách bài bản khi vẫn còn bộc lộ những khiếm khuyết trong sản xuất, kinh doanh và chịu nhiều rủi ro từ thị trường cạnh tranh cũng như trong nội tại doanh nghiệp. Điển hình, có thể kể đến như chất lượng than còn thấp; hiệu quả của một số dự án chưa đáp ứng yêu cầu, chậm tiến độ; tỷ lệ tổn thất than trong quá trình khai thác có xu hướng giảm nhưng vẫn còn lớn; tình trạng ô nhiễm môi trường do hoạt động sản xuất vẫn còn cao; rủi ro về an toàn lao động vẫn luôn hiện hữu; năng suất lao động dần cải thiện nhưng chưa đủ sức cạnh tranh với thị trường quốc tế; chưa chủ động về hệ thống máy móc, thiết bị mà vẫn phụ thuộc lớn vào nhập khẩu...

Kiểm soát nội bộ (KSNB) tại các công ty CP khai thác và chế biến than không chỉ là vấn đề bắt buộc phải triển khai theo quy định của pháp luật mà còn phải đảm bảo góp phần phát huy các nguồn lực hiện có, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển doanh nghiệp một cách bền vững theo đúng lộ trình và quy hoạch phát triển ngành của Chính phủ. Một trong những giải pháp thiết thực và khả thi giúp các nhà quản lý thực hiện được điều đó là đảm bảo tính hữu hiệu của KSNB trong doanh nghiệp. Bởi lẽ, KSNB là sự tích hợp các hoạt động, biện pháp, cơ chế kiểm soát bao trùm mọi hoạt động của doanh nghiệp nhằm ngăn ngừa, khắc phục các vấn đề như hoạt động kém hiệu quả, lãng phí nguồn lực, thiếu tầm nhìn, chiến lược rời rạc, thông tin thiếu toàn vẹn, thiếu giám sát hiệu quả, chi phí cao... Thấy rõ tầm quan trọng của vấn đề này, tác giả đã lựa chọn đề tài "*Hoàn thiện kiểm soát nội bộ tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than*

thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam” làm đề tài Luận án tiến sĩ của mình.

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

2.1. Những công trình nghiên cứu yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ

- Những nghiên cứu về KSNB với 3 yếu tố cấu thành:

Theo các nhà nghiên cứu nước ngoài như Arens (1998), Alvin A. Arens & James K. Loebbecke (2006), Divesh Sharma (2006) và một số công trình nghiên cứu trong nước đều chỉ ra rằng xây dựng KSNB với 3 yếu tố cấu thành gồm môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán và các thủ tục kiểm soát cần được thiết lập đầy đủ ở các đơn vị. Cách tiếp cận KSNB theo 3 yếu tố tập trung chủ yếu cho mục tiêu đảm bảo thông tin tài chính do hệ thống kế toán cung cấp là đáng tin cậy mà chưa làm rõ được tầm quan trọng của KSNB cho mục tiêu quản trị rủi ro, hay các mục tiêu cụ thể khác khi môi trường kinh doanh biến động và công nghệ thông tin thay đổi một cách nhanh chóng. Xuất phát từ lý do đó, những nghiên cứu gần đây đi theo hướng nghiên cứu KSNB với 5 yếu tố cấu thành.

- Những nghiên cứu về KSNB với 5 yếu tố cấu thành:

Các nghiên cứu trong những năm gần đây tập trung vào những yếu tố cấu thành theo khuôn mẫu của COSO với 5 thành phần: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát. Trong đó, có thể kể đến các nghiên cứu điển hình như: Tác giả Jones, Michael John (2008) trong nghiên cứu *“Internal control, accountability and corporate governance”* đã phân tích 5 yếu tố cấu thành KSNB trong quản trị doanh nghiệp ở nước Anh trong thời kỳ hiện đại; Nhóm tác giả Hermanson, Dana R; Smith, Jason L; Stephens, Nathaniel M (2012) trong nghiên cứu *“How Effective are Organizations' Internal Controls? Insights into Specific Internal Control Elements”* đã tiến hành khảo sát trên 500 giám đốc điều hành kiểm toán và kiểm toán viên nội bộ về các yếu tố cấu thành KSNB và KSNB của các tổ chức, doanh nghiệp có hiệu quả như thế nào. Kết quả từ nghiên cứu cũng chỉ ra rằng đa phần các kiểm toán viên đều đồng tình với 5 yếu tố cấu thành KSNB của COSO. Tại Việt Nam, các

công trình nghiên cứu đa số cũng đồng quan điểm với các yếu tố cấu thành của COSO. Cụ thể, các luận án về kiểm soát nội bộ của Võ Thu Phụng (2016), Nguyễn Thị Thanh Thủy (2017), Đoàn Thị Thu Hà (2017), Phạm Thị Bích Thu (2018), Nguyễn Thị Thanh (2019)... cũng đồng quan điểm về KSNB với 5 yếu tố cấu thành.

2.2. Những công trình nghiên cứu các nhân tố có ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ

Một số công trình nghiên cứu điển hình ở nước ngoài có thể kể đến như: “*Evaluation of Internal Control Systems: A Case Study from Uganda*” của Angella Amudo và EL Inaga (2009) đánh giá hệ thống KSNB trong các dự án khu vực công ở Uganda do Ngân hàng Phát triển Châu Phi tài trợ; Nghiên cứu “*Effectiveness of internal control system in state commercial banks in Srilanka*” của nhóm tác giả Mrs. C. T. Gamage; Kevin Low Lock; AAJ Fernando (2014) tương tự với nghiên cứu của Angella Amudo và EL Inaga (2009) khi sử dụng các nhân tố cấu thành của hệ thống KSNB của COSO để đánh giá tính hữu hiệu của hệ thống KSNB trong các ngân hàng thương mại nhà nước ở Srilanka; Nghiên cứu của Kamau Caroline (2014) tại Trường School of Business, University of Nairobi về “*Effect of Internal Controls on the Financial permannce of Manufacturing Firms in Kenya*” đã nghiên cứu ảnh hưởng của KSNB đến hiệu quả hoạt động tài chính ở 20 doanh nghiệp sản xuất tại Kenya; Nghiên cứu của O'Leary, Conor (2004) “*Developing a Standardised model for Internal Control Evaluation*” đã phát triển mô hình tiêu chuẩn để đánh giá kiểm soát nội bộ từ các nghiên cứu khoa học trước đây về kiểm soát nội bộ và những hạn chế của các mô hình nghiên cứu trước đó.

Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu các nhân tố có ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB chủ yếu nằm trong các luận án tiến sĩ. Cụ thể, như luận án của Hồ Tuấn Vũ (2016), Võ Thu Phụng (2016), Phạm Thị Bích Thu (2018), Nguyễn Thị Thanh (2019). Bên cạnh các luận án tiến sĩ, có một số các nghiên cứu trong nước là các đề tài nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của KSNB.

2.3. Những công trình nghiên cứu kiểm soát nội bộ về ngành và nhóm các công ty cụ thể ở Việt Nam

Tại Việt Nam, các nhà nghiên cứu tập trung đi vào nghiên cứu KSNB tại các doanh nghiệp, ngành nghề cụ thể để đánh giá thực trạng và đề ra giải pháp hoàn thiện phù hợp. Trong đó, có thể kể đến những nghiên cứu điển hình sau: Luận án “*Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam*” (Nguyễn Thị Lan Anh, 2013); Luận án “*Tác động của các nhân tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ đến hiệu quả hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam*” (Võ Thu Phụng, 2016); Luận án “*Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ ở Tổng công ty Bưu điện Việt Nam*” (Hoàng Thanh Hạnh, 2017); Luận án “*Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ ở Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam*” (Đoàn Thị Thu Hà, 2017); Luận án “*Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ ở Tập đoàn Điện lực Việt Nam*” (Nguyễn Thanh Thủy, 2017); Luận án “*Hoàn thiện kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp sản xuất giấy nhỏ và vừa miền bắc Việt Nam*” (Nguyễn Thị Thanh, 2019)... Phần lớn các tác giả đã xem xét đặc điểm riêng của ngành nghề, đặc thù sản xuất của ngành, nhóm các công ty thuộc phạm vi nghiên cứu để đánh giá thực trạng KSNB và đưa ra các giải pháp phù hợp.

2.4. Đánh giá các công trình nghiên cứu và định hướng nghiên cứu của đề tài

- Thứ nhất, về tính ứng dụng của KSNB trong các công ty cổ phần khai thác và chế biến than.

- Thứ hai, xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tính hữu hiệu của KSNB.

- Thứ ba, KSNB được nghiên cứu theo hướng quản trị rủi ro.

3. Mục tiêu nghiên cứu

- *Mục tiêu nghiên cứu chung:* Nghiên cứu lý luận KSNB; Phân tích, đánh giá thực trạng KSNB tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao tính hữu hiệu của KSNB.

- *Mục tiêu nghiên cứu cụ thể:*

+ Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về KSNB của doanh nghiệp.

+ Phân tích thực trạng KSNB, xác định các nhân tố ảnh hưởng và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố này đến tính hữu hiệu của KSNB tại các công ty CP khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

+ Đánh giá được thực trạng KSNB tại các công ty CP khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

+ Đề xuất các giải pháp hoàn thiện và điều kiện để thực hiện giải pháp hoàn thiện KSNB tại các công ty CP khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu nêu trên, các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra như sau: (1) Kiểm soát nội bộ là gì? Có những mô hình kiểm soát nội bộ và yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ nào? (2) Thực trạng việc thiết kế và vận hành KSNB tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam như thế nào? (3) Các nhân tố cấu thành KSNB tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam có ảnh hưởng như thế nào đến tính hữu hiệu của KSNB? (4) Những giải pháp nào cần được đưa ra để hoàn thiện KSNB tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam? (5) Những giải pháp và điều kiện nào cần được đưa ra để hoàn thiện KSNB tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam?

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu:* KSNB tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

- *Phạm vi nghiên cứu:*

Phạm vi về nội dung: Phạm vi tiếp cận KSNB chủ yếu theo hướng quản trị rủi ro với mục tiêu chính là đánh giá thực trạng KSNB và đưa ra các giải pháp nhằm đảm bảo tính hữu hiệu của KSNB tại các công ty cổ

phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Phạm vi về không gian: Luận án chỉ nghiên cứu các công ty con cổ phần có hoạt động SXKD chính là khai thác và chế biến than. Cụ thể gồm có 8 công ty con cổ phần thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Luận án không nghiên cứu các công ty có hoạt động SXKD đa dạng hoặc hoạt động SXKD khác.

Phạm vi về thời gian: *Đối với số liệu thứ cấp*: Nghiên cứu sử dụng các dữ liệu từ năm 2016 đến năm 2021. Đây là khoảng thời gian nằm trong kế hoạch phát triển 5 năm 2016-2020 của TKV đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và những năm đầu thực hiện chiến lược phát triển năng lượng quốc gia theo Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị; *Đối với số liệu sơ cấp*: Dữ liệu điều tra, khảo sát diễn ra từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2021. Đây là khoảng thời gian kiểm tra công tác triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm (2016-2020) có đảm bảo những mục tiêu đề ra hay không và bước đầu thực hiện nhiệm vụ phát triển giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận

Luận án sử dụng quan điểm duy vật biện chứng, quan điểm hệ thống (xem xét sự việc trong tổng thể), quan điểm thực tiễn (tính ứng dụng của vấn đề nghiên cứu trong thực tiễn) và quan điểm duy vật lịch sử.

6.2. Phương pháp cụ thể

a. Phương pháp nghiên cứu định tính

Nghiên cứu định tính được sử dụng trong việc tìm ra bằng chứng như mô hình phù hợp với mục tiêu nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới sự hữu hiệu của kiểm soát nội bộ dựa trên các nhân tố mà Báo cáo COSO 2013 đề cập. Nghiên cứu được dựa trên phương pháp phỏng vấn chuyên gia về kiểm soát nội bộ với quy tắc bảo hòa thông tin (hỏi tới khi 3 chuyên gia liên tiếp không đưa ra các ý kiến mới thì được coi là điểm bảo hòa và

phỏng vấn sẽ dừng ở đây) để chọn lọc các thông tin có được từ phỏng vấn chuyên gia.

b. Phương pháp nghiên cứu định lượng

- *Phương pháp khảo sát*: Khảo sát được thực hiện thông qua các bảng hỏi cho 4 nhóm đối tượng: Lãnh đạo công ty; Lãnh đạo phòng, ban, phân xưởng; Nhân viên công ty; Một số cán bộ có liên quan (kiểm toán độc lập, cán bộ về hưu, cán bộ chuyển công tác ra ngoài Tập đoàn).

- *Phương pháp xử lý dữ liệu*: Sau khi thu hồi được các phiếu điều tra, tác giả tiến hành mã hóa và đưa vào phần mềm SPSS để phân tích.

6.3. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Thu thập dữ liệu thứ cấp.
- Thu thập dữ liệu sơ cấp.

7. Quy trình nghiên cứu:

- Bước 1: Xác định mục tiêu nghiên cứu.
- Bước 2: Tổng hợp các tài liệu và các nghiên cứu trước.
- Bước 3: Xây dựng mô hình nghiên cứu.
- Bước 4: Thiết kế nghiên cứu.
- Bước 5: Thu thập dữ liệu.
- Bước 6: Phân tích dữ liệu và viết kết quả.

8. Những đóng góp của luận án

- *Về mặt lý luận*: Luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về KSNB từ các nghiên cứu trong nước và quốc tế. Tổng hợp những đặc điểm của các doanh nghiệp khai khoáng có ảnh hưởng đến việc thiết kế và vận hành KSNB. Nghiên cứu, tổng hợp các mô hình KSNB từ đó xây dựng mô hình sự tác động của các nhân tố đến tính hữu hiệu của KSNB ảnh hưởng đến các mục tiêu: tính hiệu quả, tính tuân thủ, độ tin cậy của báo cáo và quản trị rủi ro.

- *Về mặt thực tiễn*: Luận án trình bày những đặc điểm, rủi ro của các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc TKV có ảnh hưởng đến KSNB. Luận án sử dụng kết hợp phương pháp định tính và phương pháp định lượng để tiến hành khảo sát, phân tích thực trạng KSNB tại các công ty

cổ phần khai thác và chế biến than thuộc TKV. Từ đó, phân tích và đánh giá cụ thể từng nhân tố cấu thành KSNB của các doanh nghiệp này.

- *Về tính ứng dụng*: Luận án đã đề xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện KSNB tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc TKV gắn liền với yêu cầu về quản lý vốn nhà nước và tái cơ cấu Tập đoàn. Luận án cũng đã đưa ra các điều kiện để thực hiện các giải pháp tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc TKV.

9. Kết cấu luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, Luận án được kết cấu theo 3 chương sau:

Chương 1: Lý luận chung về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kiểm soát nội bộ tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kiểm soát nội bộ tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung về kiểm soát nội bộ

1.1.1. Kiểm soát trong quản lý

Kiểm soát là một chức năng của quản lý, được thực hiện để đo lường, đánh giá và tác động lên đối tượng kiểm soát nhằm đảm bảo mục tiêu, kế hoạch của tổ chức được thực hiện một cách có hiệu quả.

1.1.2. Kiểm soát nội bộ

1.1.2.1. Khái niệm về kiểm soát nội bộ

Quan điểm về KSNB hướng tới đạt được mục tiêu của tổ chức

Kiểm soát nội bộ được nhiều nhà nghiên cứu và nhiều quốc gia tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, nhưng đều có những đặc điểm chung có thể kể đến như sau:

- Kiểm soát nội bộ hướng đến đạt được các mục tiêu của tổ chức.
- Kiểm soát nội bộ là một quá trình.
- Kiểm soát nội bộ được thiết kế và vận hành bởi con người.
- Kiểm soát nội bộ cung cấp sự đảm bảo hợp lý.
- Kiểm soát nội bộ có thể thích ứng với các cơ cấu tổ chức khác nhau.

Quan điểm KSNB là biện pháp ngăn ngừa rủi ro

Trên cơ sở các quan điểm nghiên cứu của các nhà khoa học và các tổ chức, tác giả đưa ra quan điểm cá nhân về KSNB: “*Kiểm soát nội bộ là hệ thống các nhân tố cấu thành và được kết hợp với nhau trở thành một tổng thể có kết cấu vững chắc. Kiểm soát nội bộ được thiết kế và vận hành bởi nhà quản lý nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý về việc đạt được các mục tiêu như: độ tin cậy của báo cáo; tính tuân thủ pháp luật và các quy định; đảm bảo tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả của hoạt động*”.

1.1.2.2. Mục tiêu của kiểm soát nội bộ

- *Mục tiêu hoạt động*: Nhấn mạnh đến sự hữu hiệu và hiệu quả của việc sử dụng các nguồn lực doanh nghiệp.

- *Mục tiêu về báo cáo:* Doanh nghiệp phải đảm bảo tính trung thực và đáng tin cậy của báo cáo tài chính và phi tài chính cung cấp cho bên trong hay bên ngoài doanh nghiệp.

- *Mục tiêu về tuân thủ:* Kiểm soát nội bộ phải đảm bảo hợp lý việc chấp hành các quy định của pháp luật và quy chế của doanh nghiệp

1.1.3. Mối quan hệ giữa kiểm soát nội bộ với quản trị rủi ro doanh nghiệp

1.1.3.1. Khái quát về rủi ro và quản trị rủi ro doanh nghiệp

1.1.3.2. Mối quan hệ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro doanh nghiệp

1.2. Các khung và mô hình về kiểm soát nội bộ

1.2.1. Báo cáo COSO 2013

1.2.2. Khung COBIT về kiểm soát nội bộ

1.2.3. Báo cáo Turnbull 1999 về kiểm soát nội bộ (Turnbull Report)

1.2.4. Khung COCO về kiểm soát nội bộ

1.2.5. Báo cáo SAC

1.2.6. Lý do lựa chọn mô hình kiểm soát nội bộ theo COSO 2013

- *Thứ nhất*, khung kiểm soát COSO 2013 không chỉ liên quan đến báo cáo tài chính và phi tài chính mà được mở rộng ra cho các lĩnh vực hoạt động và tuân thủ, quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro.

- *Thứ hai*, báo cáo COSO 2013 có tính ứng dụng cao trong lý luận và thực tiễn góp phần thúc đẩy sự phát triển trên nhiều lĩnh vực và ngành nghề trên thế giới.

- *Thứ ba*, báo cáo COSO 2013 nêu cụ thể, rõ ràng và chi tiết những nguyên tắc, những yếu tố phục vụ cho việc thiết kế, vận hành và đánh giá KSNB chi tiết cho từng thành phần.

- *Thứ tư*, khung COSO thể hiện được tính gắn kết giữa kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp.

- *Thứ năm*, Báo cáo COSO 2013 đã có những thay đổi lớn so với báo cáo COSO 1992 để phù hợp hơn với bối cảnh phát triển của nền kinh tế và biến cố khách quan tác động đến quyết định thành bại của doanh nghiệp.

1.3. Các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ theo khuôn mẫu báo cáo COSO 2013

1.3.1. Môi trường kiểm soát

1.3.2. Đánh giá rủi ro

1.3.3. Hoạt động kiểm soát

1.3.4. Thông tin và truyền thông

1.3.5. Giám sát

1.4. Tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ

Trong luận án, tác giả kế thừa ba mục tiêu của COSO 2013 (gồm: mục tiêu hiệu quả hoạt động, mục tiêu đảm bảo độ tin cậy của báo cáo, mục tiêu tuân thủ) và bổ sung thêm mục tiêu quản trị rủi ro trong đánh giá tính hữu hiệu của KSNB tại các công ty CP khai thác và chế biến than thuộc TKV.

1.5. Đặc điểm của các doanh nghiệp khai khoáng có ảnh hưởng đến kiểm soát nội bộ

- *Thứ nhất*, quá trình sản xuất phức tạp và vòng đời của dự án khai thác mỏ thường tốn một khoảng thời gian dài.

- *Thứ hai*, hoạt động khai khoáng đòi hỏi sử dụng nguồn vốn lớn, thời gian thu hồi vốn chậm.

- *Thứ ba*, hoạt động sản xuất phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên nên tiềm ẩn nhiều rủi ro.

1.6. Kinh nghiệm quốc tế và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam khi thiết kế và vận hành kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp khai khoáng

1.6.1. Tại Ấn Độ

1.6.2. Tại Romania

1.6.3. Bài học kinh nghiệm cho doanh nghiệp khai khoáng tại Việt Nam

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN THAN THUỘC TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

2.1. Khái quát chung về các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

2.1.1. Khái quát chung về Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

2.1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Tập đoàn

2.1.1.2. Mô hình tổ chức của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

2.1.2. Đặc điểm của các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ảnh hưởng đến việc thiết kế và vận hành kiểm soát nội bộ

- *Thứ nhất*, quy trình khai thác và chế biến than phức tạp ảnh hưởng trực tiếp tới các yếu tố cấu thành KSNB.

- *Thứ hai*, đặc điểm về vốn có ảnh hưởng đến KSNB của các công ty cổ phần khai thác và chế biến than.

- *Thứ ba*, công ty cổ phần khai thác và chế biến than là công ty đại chúng sản xuất kinh doanh nguồn tài nguyên chiến lược quốc gia nên chịu sự tác động bởi nhiều chính sách, pháp luật khác nhau.

- *Thứ tư*, đối thủ cạnh tranh là các doanh nghiệp, tập đoàn nước ngoài có công nghệ sản xuất hiện đại và nguồn vốn lớn.

2.1.3. Các rủi ro ảnh hưởng đến thiết kế và vận hành kiểm soát nội bộ tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

- *Thứ nhất*, rủi ro tài chính.

- *Thứ hai*, rủi ro tuân thủ.

- *Thứ ba*, rủi ro hoạt động.

2.2. Thực trạng thiết kế và vận hành kiểm soát nội bộ tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

2.2.1.1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

2.2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.2. Thực trạng môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát là nền tảng cho bốn bộ phận còn lại của KSNB nhằm xây dựng những nguyên tắc và cơ cấu hoạt động phù hợp. Môi trường kiểm soát được đánh giá cụ thể bởi năm nhân tố: (1) Cam kết về tính chính trực và giá trị đạo đức; (2) Vai trò chức năng giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; (3) Thiết lập cơ cấu, quyền hạn và trách nhiệm; (4) Chính sách nhân sự và cam kết về năng lực; (5) Trách nhiệm giải trình.

2.2.3. Thực trạng đánh giá rủi ro

Đánh giá rủi ro tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than bao gồm: (1) Xác lập mục tiêu; (2) Nhận diện và đánh giá rủi ro (trong đó gồm: Rủi ro tài chính; Rủi ro hoạt động; Rủi ro tuân thủ); (3) Đánh giá nguy cơ gian lận; (4) Quản trị sự thay đổi.

2.2.4. Thực trạng hoạt động kiểm soát

Hoạt động kiểm soát có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính hữu hiệu của KSNB. Hoạt động kiểm soát trong KSNB được cụ thể hóa bằng 3 nhân tố: (1) Xây dựng các hoạt động kiểm soát; (2) Sử dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm soát; (3) Triển khai hoạt động kiểm soát.

2.2.5. Thực trạng thông tin và truyền thông

- Thu thập, tạo lập và sử dụng các thông tin: Tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than, hệ thống thông tin chủ yếu phục vụ cho quá trình đánh giá, xây dựng chiến lược kinh doanh là hệ thống thông tin kế toán bao gồm hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống sổ sách và hệ thống báo cáo kế toán.

- Truyền thông nội bộ.

- Truyền thông bên ngoài.

2.2.6. Thực trạng yếu tố giám sát

- Triển khai hoạt động giám sát: Tại các công ty CP khai thác và chế biến than triển khai thực hiện hoạt động giám sát thường xuyên và hoạt động giám sát định kỳ.

- Đánh giá và khắc phục những yếu kém phát hiện thông qua hoạt động giám sát.

2.2.7. Đánh giá tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ

Tính hữu hiệu của KSNB thể hiện ở mức độ đạt được các mục tiêu hoạt động, mục tiêu báo cáo, mục tiêu tuân thủ và mục tiêu quản trị rủi ro.

2.3. Đánh giá thực trạng

2.3.1. Ưu điểm

✚ Thứ nhất, về môi trường kiểm soát

- Tính chính trực và giá trị đạo đức: Tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than, nhà quản lý đã nhận thức được tầm quan trọng của việc duy trì tính chính trực và tuân thủ các giá trị đạo đức. Các quy định về tính chính trực và giá trị đạo đức được xây dựng và triển khai tại các doanh nghiệp.

- Chức năng giám sát của HĐQT và BKS: HĐQT và BKS đảm bảo đủ năng lực chuyên môn và thường xuyên thực hiện chức năng giám sát nhằm duy trì tính hữu hiệu của KSNB. Chức năng giám sát được quy định rõ trong các văn bản của doanh nghiệp nhằm nêu cao tinh thần trách nhiệm, của HĐQT và BKS.

- Thiết lập cơ cấu, quyền hạn và trách nhiệm: Cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân, bộ phận được xây dựng và phân định rõ ràng.

- Chính sách nhân sự: Chính sách tiền lương, thu nhập của người lao động luôn được quan tâm, xây dựng và thực hiện kế hoạch tăng lương hàng năm. Công tác đánh giá năng lực được thực hiện thường xuyên nhằm đảm bảo thu nhập tương xứng với trình độ tay nghề của người lao động.

- Trách nhiệm giải trình: Trách nhiệm giải trình được thể hiện thường xuyên qua các quy định về chế độ báo cáo hàng tháng, hàng quý, hàng năm và giải trình trước các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán...

Thứ hai, về đánh giá rủi ro

- Xác lập mục tiêu: Các mục tiêu đã được xây dựng thông qua các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể và định kỳ thực hiện việc đánh giá các mục tiêu để điều chỉnh và khắc phục một cách kịp thời.

- Nhận diện và đánh giá rủi ro: Công tác đánh giá rủi ro đã nhận diện, phân loại được các rủi ro cụ thể để đưa ra các phương án phòng ngừa phù hợp.

- Đánh giá nguy cơ gian lận: Nguy cơ gian lận được giảm thiểu, ngăn chặn bằng các rào cản quy định, quy chế của doanh nghiệp và ứng dụng các công nghệ kiểm tra, giám sát.

- Quản trị sự thay đổi: Những thay đổi bước đầu đã được các cấp quản lý quan tâm nhằm đánh giá tác động của sự thay đổi đến quản trị doanh nghiệp từ đó đưa ra các giải pháp thích ứng.

Thứ ba, về hoạt động kiểm soát

- Xây dựng các hoạt động kiểm soát: Quy trình kiểm soát được thực hiện trong đầy đủ các khâu: kiểm soát trước, kiểm soát trong và kiểm soát sau. Đối với hoạt động kiểm soát nhằm ngăn ngừa các rủi ro, các doanh nghiệp đã thực hiện phân loại các rủi ro để đưa ra các thủ tục kiểm soát phù hợp.

- Sử dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm soát: Trong những năm qua, các công ty đã có những chiến lược phát triển tin học gắn với sản xuất và quản lý theo hướng nâng cao hiệu quả của hoạt động kiểm soát trong từng hoạt động.

- Chính sách và thủ tục kiểm soát: Các công ty công khai thác và chế biến than luôn quan tâm xây dựng, triển khai các nội quy, quy trình khai thác và đảm bảo kiểm soát hoạt động khai thác một cách chặt chẽ.

Thứ tư, về thông tin và truyền thông

- Nhìn chung các doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống thông tin kế toán theo yêu cầu chung của Tập đoàn, đảm bảo thực hiện theo đúng quy

định tại Thông tư số 200/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định có liên quan. Các chứng từ hầu hết được xây dựng quy trình luân chuyển chặt chẽ, đảm bảo được kiểm tra và ký nhận đầy đủ.

- Công tác truyền thông tại các doanh nghiệp đã được các nhà quản lý quan tâm triển khai dưới nhiều hình thức như thông tin điện tử, thông tin trên tạp chí, thông tin qua hội thảo, cuộc họp... Các thông tin truyền thông được truyền đạt một cách kịp thời, rõ ràng, đúng đối tượng.

Thứ năm, về giám sát

Hoạt động giám sát thường xuyên được xây dựng gắn liền với chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giám sát. Ngoài hoạt động giám sát thường xuyên, các doanh nghiệp và Tập đoàn đã tiến hành triển khai giám sát đột xuất khi có những dấu hiệu bất thường, tập trung vào những nội dung lớn mới phát sinh. Hiệu quả của hoạt động giám sát đã được phát huy thông qua các biện pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời các sai phạm phát hiện được trong quá trình giám sát.

2.3.2. Hạn chế

Thứ nhất, về môi trường kiểm soát

- Cam kết về tính chính trực và giá trị đạo đức: Bộ quy tắc ứng xử hay quy định về chuẩn mực đạo đức chưa được Tập đoàn quy định bắt buộc phải xây dựng ở các công ty nên đa số các công ty chưa triển khai xây dựng.

- Vai trò của HĐQT và ban kiểm soát đối với KSNB: Một số công ty chưa đảm bảo tỷ lệ thành viên độc lập tối thiểu trong HĐQT để đảm bảo tính khách quan trong hoạt động kiểm soát. Các tiêu chuẩn của Ban kiểm soát được xây dựng làm tiêu chuẩn bổ nhiệm mà chưa kiểm tra việc duy trì tiêu chuẩn trong cả nhiệm kỳ. Bên cạnh đó, các công ty chưa có cơ chế thường khi HĐQT, BKS phát hiện sai phạm.

- Về cơ cấu tổ chức và phân quyền: Quá trình tái cơ cấu tại các công ty chủ yếu là giảm theo cơ học mà chưa xây dựng các phương án và lộ trình cụ thể để đưa ra phương án tinh giản tối ưu nhằm đảm bảo giữ được các công

nhân có tay nghề, giảm về số lượng lao động, phòng ban, đơn vị nhưng hiệu quả công việc của toàn công ty vẫn được duy trì.

- Công tác quy hoạch cán bộ vẫn mang tính định hướng của lãnh đạo đương nhiệm mà chưa thực sự quan tâm đến nguyện vọng của tập thể. Công tác đánh giá công việc KPIs tại các doanh nghiệp chủ yếu thực hiện đối với cán bộ quản lý theo quy định của Tập đoàn mà chưa mở rộng xây dựng chỉ tiêu đánh giá cụ thể cho từng bộ phận.

- Tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than, trách nhiệm giải trình ít được quy định cụ thể tại văn bản quy định, quy chế của công ty mà chủ yếu thực hiện giải trình khi có dấu hiệu nghi ngờ sai phạm, phát hiện sai phạm thông qua kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Thứ hai, về đánh giá rủi ro

- Xác lập mục tiêu: Các công ty cổ phần khai thác và chế biến than hiện nay tập trung xây dựng mục tiêu sản lượng khai thác, sản lượng tiêu thụ mà chưa phân loại thành các nhóm mục tiêu như mục tiêu hoạt động, mục tiêu báo cáo, mục tiêu tuân thủ, mục tiêu quản trị rủi ro...

- Đánh giá rủi ro: Rủi ro tài chính tại các công ty trong những năm gần đây chưa được các công ty cổ phần khai thác và chế biến than khắc phục và đưa ra giải pháp xử lý triệt để.

- Đánh giá nguy cơ gian lận: Các phương thức để nhận diện các gian lận tiềm tàng và hiện hữu như triển khai đường dây nóng, hòm thư góp ý, xây dựng vị trí chuyên trách tiếp nhận các phản ánh đối với hành vi gian lận chưa được nhiều doanh nghiệp triển khai thực hiện.

- Quản trị sự thay đổi: Nhà quản lý hiện đang tập trung đánh giá những thay đổi đã xảy ra mà chưa thực sự quan tâm nhận diện những thay đổi có khả năng xảy ra trong tương lai. Việc xây dựng các giả thiết có thể xảy ra trong tương lai giúp công ty và nhà quản lý chủ động lường trước các yếu tố tác động xấu đến doanh nghiệp để đưa ra các giải pháp phòng ngừa rủi ro.

Thứ ba, về hoạt động kiểm soát

- Xây dựng các hoạt động kiểm soát: Tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than, các hoạt động kiểm soát sau vẫn tồn tại lỗ hổng chưa

được giải quyết triệt để trong nhiều năm. Hoạt động kiểm soát trong công tác mua sắm, đấu thầu trong nhiều năm vẫn tồn tại thực trạng tỷ lệ giảm thầu thấp, chưa mở rộng được nhà cung cấp để tăng tính cạnh tranh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm soát: Các công ty cổ phần khai thác và chế biến than tập trung đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất mà chưa thực sự quan tâm phát triển công nghệ thông tin song hành để đáp ứng yêu cầu tự động hóa ngày một cao. Một số công ty vẫn chưa thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trong hệ thống phần mềm, ứng dụng.

- Về chính sách và thủ tục kiểm soát: Chính sách kiểm soát nợ vay tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than vẫn còn những rủi ro nhất định. Rủi ro mất an toàn lao động tại các công ty có xu hướng giảm nhưng vẫn xảy ra trong những năm gần đây.

Thứ tư, về thông tin và truyền thông

- Thu thập, xử lý và cung cấp thông tin: Báo cáo quản trị của doanh nghiệp tập trung vào tính toán giá thành và sự biến động tăng giảm của một số chỉ tiêu mà chưa chú trọng đến phân tích hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than vẫn phụ thuộc vào Tập đoàn mà chưa chủ động trong công tác triển khai xây dựng.

- Truyền thông: Kênh truyền thông từ cấp dưới lên cấp trên chưa được quan tâm xây dựng. Lượng thông tin truyền thông công khai ra bên ngoài chưa nhiều, mới chỉ dừng lại ở mức độ khái quát.

Thứ năm, về giám sát

Tại các công ty CP khai thác và chế biến than đa phần thiết lập bộ phận kiểm toán nội bộ lồng ghép với phòng thanh tra và trực thuộc Giám đốc. Việc thiết lập bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Giám đốc sẽ thiếu tính độc lập, khách quan trong quá trình giám sát. Hoạt động giám sát hiện nay mới chỉ chú trọng đến công tác phát hiện sai phạm mà ít quan tâm đến quá trình thực hiện các kiến nghị trong quá trình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Nguyên nhân khách quan

- *Một là*, chính sách giá cả chưa phù hợp với cơ chế thị trường.
- *Hai là*, rủi ro trong hoạt động khai thác là rất lớn.
- *Ba là*, sự độc quyền và sở hữu nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn.
- *Bốn là*, ảnh hưởng của suy thoái kinh tế và dịch bệnh.

Nguyên nhân chủ quan

- *Một là*, do nhận thức và quan điểm của nhà quản lý.
- *Hai là*, cơ chế chính sách với đội ngũ kiểm soát.
- *Ba là*, nền tảng công nghệ chưa đáp ứng được yêu cầu ngày một cao của quá trình khai thác.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN THAN THUỘC TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

3.1. Định hướng và mục tiêu phát triển của các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt nam

3.1.1. Quan điểm phát triển

- *Thứ nhất*, phát triển ngành than trên cơ sở khai thác, chế biến, sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên than của đất nước.

- *Thứ hai*, đẩy mạnh các hoạt động điều tra cơ bản, thăm dò, đánh giá tài nguyên và trữ lượng than trong nước để chuẩn bị cơ sở tài nguyên tin cậy cho sự phát triển bền vững ngành than.

- *Thứ ba*, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đầu tư ra nước ngoài để đáp ứng đủ than cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- *Thứ tư*, sản xuất và tiêu thụ than đảm bảo bền vững.

- *Thứ năm*, thực hiện kinh doanh than theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, hài hòa với thị trường than thế giới.

- *Thứ sáu*, phát triển ngành than gắn với bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái vùng than.

3.1.2. Mục tiêu phát triển

a. Mục tiêu tổng quát

b. Mục tiêu cụ thể

3.2. Nguyên tắc hoàn thiện kiểm soát nội bộ tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

- Hoàn thiện KSNB phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp.

- Hoàn thiện KSNB phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

- Hoàn thiện KSNB phải đảm bảo nguyên tắc tuân thủ.

3.3. Giải pháp hoàn thiện kiểm soát nội bộ tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát

- *Thứ nhất, nâng cao tính chính trực và giá trị đạo đức*: Xây dựng Bộ quy tắc ứng xử giúp định hướng, quản lý nhân sự bằng các chuẩn mực đạo đức góp phần xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

- *Thứ hai, nâng cao vai trò giám sát của HĐQT và BKS:* (1) Tăng cường chức năng HĐQT; (2) Bảo đảm vị trí độc lập của BKS.

- *Thứ ba, thiết lập quyền hạn và trách nhiệm theo định hướng tái cơ cấu của tập đoàn:* Sắp xếp lại tổ chức, các công ty cổ phần khai thác và chế biến than cần phải đảm bảo chất lượng và số lượng phù hợp với khối lượng công việc, đặc điểm của từng bộ phận. Quá trình tái cơ cấu tổ chức cần phải xây dựng thành các phương án và có lộ trình cụ thể phù hợp với lộ trình chung của Tập đoàn.

- *Thứ tư, sử dụng nguồn nhân lực*

Về đánh giá năng lực: Cần xây dựng tiêu chí đánh giá phù hợp. Công tác đánh giá cán bộ phải gắn liền với công tác thi đua, khen thưởng.

Về công tác quy hoạch: Các công ty cổ phần khai thác và chế biến than cần chủ động phát hiện các cán bộ được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm thực tế, có năng lực lãnh đạo và đặc biệt chú trọng đến phẩm chất đạo đức để đưa vào diện quy hoạch cán bộ. Nghiên cứu và từng bước triển khai thực hiện thí điểm thi tuyển các chức danh lãnh đạo.

- *Thứ năm, trách nhiệm giải trình:* Để xác định được trách nhiệm giải trình thì cần thiết lập thể chế yêu cầu công ty minh bạch hóa thông tin theo thông lệ quốc tế, pháp luật Việt Nam, buộc các công ty, cá nhân đại diện chủ sở hữu và các bên liên quan trực tiếp hoặc liên đới chịu trách nhiệm giải trình về kết quả, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cá nhân và công ty.

3.3.2. Giải pháp hoàn thiện đánh giá rủi ro

- *Thứ nhất, xác lập mục tiêu:* Mục tiêu hiệu quả hoạt động cần phải tính toán, làm rõ các chỉ tiêu về năng suất lao động.

- *Thứ hai, nhận diện và đánh giá rủi ro*

Xây dựng quy trình phân tích và đánh giá rủi ro: Bước 1: Liệt kê các hoạt động của doanh nghiệp; Bước 2: Xác định nguy cơ và rủi ro có thể xảy ra; Bước 3: Mức độ nghiêm trọng hay khả năng gây thiệt hại; Bước 4: Xác định khả năng xảy ra; Bước 5: Xác định cấp độ rủi ro; Bước 6: Thiết lập biện pháp kiểm soát; Bước 7: Chỉ định người thực hiện và theo dõi đánh giá

Thiết lập các biện pháp để ứng phó rủi ro: Khắc phục tình trạng bị chiếm dụng vốn. Đổi mới các hình thức huy động vốn với chi phí thấp hơn. Tăng cường kiểm soát nợ vay.

- *Thứ ba, đánh giá nguy cơ gian lận.* Triển khai xây dựng các kênh thu thập thông tin để nhận diện, đánh giá gian lận.

- *Thứ tư, quản trị sự thay đổi.* Để quản trị được sự thay đổi cần phải nhận diện được “cái cần thay đổi” từ nội dung, phương thức hoạt động hay các vấn đề liên quan khác (xác định nhu cầu thay đổi, lựa chọn ý tưởng thay đổi); Lập kế hoạch để tiến hành thay đổi; triển khai kế hoạch đã được lập; Đánh giá kết quả thực hiện thay đổi và tìm biện pháp duy trì những kết quả tốt do thay đổi mang lại.

3.3.3. Giải pháp hoàn thiện hoạt động kiểm soát

- *Thứ nhất, xây dựng hoạt động kiểm soát:* (1) Kiểm soát các rủi ro tài chính; (2) Kiểm soát các rủi ro hoạt động; (3) Kiểm soát các rủi ro tuân thủ.

- *Thứ hai, ứng dụng công nghệ trong kiểm soát:* Gắn kết công nghệ thông tin và tự động hóa. Xây dựng kế hoạch an ninh phù hợp nhu cầu thông tin của từng đối tượng.

- *Thứ ba, chính sách và thủ tục kiểm soát:* Để kiểm soát giảm thiểu rủi ro đối với các khoản công nợ thì các công ty cần thiết hoàn thiện chính sách bán hàng, quy trình xử lý và thu hồi công nợ.

3.3.4. Giải pháp hoàn thiện thông tin và truyền thông

- *Thứ nhất, thu thập, tạo lập và sử dụng các thông tin*

+ Phân tích tình hình tài chính: Kết quả phân tích cần tìm ra các chỉ tiêu bất thường. Từ đó khoanh vùng các rủi ro, tìm nguyên nhân gây ra rủi ro là khách quan và chủ quan để cùng thảo luận với các bộ phận có liên quan đưa ra phương hướng xử lý một cách hiệu quả.

+ Triển khai hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP: (1) Cần dành một nguồn ngân sách đủ lớn dành cho hệ thống ERP và xây dựng thí điểm tại 1 doanh nghiệp; (2) Khi bắt đầu triển khai cần có sự tham gia của người đứng đầu; (3) Thực hiện công tác kiểm soát, đánh giá hiệu quả của ERP trước và sau khi nghiệm thu.

- *Thứ hai, về truyền thông:* (1) Tăng cường công khai và minh bạch thông tin; (2) Hoàn thiện và phát triển các kênh thông tin; (3) Kênh truyền thông từ cấp dưới lên cấp trên.

3.3.5. Giải pháp hoàn thiện hoạt động giám sát

- *Thứ nhất, triển khai hoạt động giám sát:* (1) Thành lập Ủy ban kiểm toán; (2) Thiết lập bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Ủy ban kiểm toán.

- *Thứ hai, theo dõi việc thực hiện các kiến nghị:* Cần phân loại kiến nghị của cơ quan độc lập (kiểm toán nhà nước, thanh tra chính phủ...) và kiến nghị của bộ phận thanh tra, KSNB do phòng thanh tra – pháp chế, ban kiểm soát nhằm đưa ra phương hướng xử lý, khắc phục sai phạm phù hợp.

3.4. Điều kiện để thực hiện giải pháp hoàn thiện kiểm soát nội bộ tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

3.4.1. Đối với Nhà nước

- *Thứ nhất,* tiếp tục thực hiện cổ phần hóa theo đúng lộ trình.
- *Thứ hai,* phát huy vai trò của Ủy ban quản lý vốn nhà nước.
- *Thứ ba,* điều tiết lượng than nhập khẩu.
- *Thứ tư,* xây dựng quy định lập báo cáo về kiểm soát nội bộ đối với các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán.

- *Thứ năm,* quản lý hành nghề thành viên hội đồng quản trị độc lập.

3.4.2. Đối với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Với định hướng trở thành ngành công nghiệp phát triển theo hướng bền vững, áp dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, không ngừng đổi mới và cải tiến về công nghệ, ngành than của Việt Nam hướng đến trở thành ngành kinh tế quan trọng. Tuy nhiên trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, ngành than hiện đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức và sự cạnh tranh từ các nước trên thế giới. Trong các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, với hạn chế về tiềm lực tài chính, tiềm lực công nghệ thì giải pháp hoàn thiện KSNB được xem là giải pháp khả thi và hữu hiệu cần được quan tâm hoàn thiện. Thông qua nghiên cứu lý luận về các mô hình, các khung KSNB tiêu biểu trên thế giới, có hiệu chỉnh phù hợp với đặc điểm ngành nghề, đặc điểm môi trường kinh tế vĩ mô của Việt Nam, luận án nhằm vận

dụng các lý luận vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra đối với các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc TKV.

(1) Hệ thống hóa và làm rõ hơn lý luận chung về KSNB trong các doanh nghiệp như: Khái quát chung về KSNB; Các khung và mô hình về KSNB; Các yếu tố cấu thành KSNB theo khuôn mẫu báo cáo COSO 2013; Tính hữu hiệu của KSNB.

(2) Luận án đã đi sâu nghiên cứu nội dung về KSNB của một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra bài học vận dụng cho các doanh nghiệp khai khoáng tại Việt Nam.

(3) Luận án đã đi sâu nghiên cứu và phân tích rõ thực trạng KSNB tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

(4) Luận án đánh giá thực trạng, làm rõ kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế về KSNB tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam để làm căn cứ cho các giải pháp hoàn thiện ở chương 3 của luận án.

(5) Luận án làm rõ định hướng, mục tiêu và nguyên tắc hoàn thiện KSNB tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam để làm cơ sở cho các giải pháp hoàn thiện ở chương 3 của luận án.

(6) Luận án đề xuất các giải pháp hoàn thiện và điều kiện để thực hiện có hiệu quả các giải pháp hoàn thiện KSNB tại các công ty CP khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Như vậy, về cơ bản luận án đã hoàn thành các mục tiêu đề ra với mục tiêu chung nhất hướng đến là hoàn thiện KSNB tại các công ty cổ phần khai thác và chế biến than. Tuy nhiên, điều kiện nghiên cứu còn hạn chế về mặt thời gian, chi phí và hiểu biết của tác giả về công ty cổ phần khai thác và chế biến than. Do vậy, kết quả nghiên cứu có phần còn thiếu toàn diện và cần được bổ sung ở các nghiên cứu tiếp theo. Rất mong nhận được sự chia sẻ, đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, nhà quản trị các công ty cổ phần khai thác và chế biến than để luận án hoàn thiện hơn./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đinh Doãn Cường (2015), “Đánh giá trọng yếu trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán”, Tạp chí nghiên cứu Tài chính Kế toán (ISSN 1859-4093), số 02 (139) 2015.
2. Đinh Doãn Cường (2016), “Yếu tố góp phần nâng cao chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ”, Tạp chí Tài chính (ISSN 005-56), tháng 2/2016 (627).
3. Đinh Doãn Cường (2016), “Nâng cao vai trò của kiểm toán viên đối với chất lượng kiểm toán”, Tạp chí Công thương (ISSN 0866-7756), tháng 3/2016.
4. Đinh Doãn Cường (2018), “Khoản chi phí: Công cụ hữu hiệu nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV)”, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (ISSN 0868-3808), tháng 4/2018 (515).
5. Đinh Doãn Cường (2021), “Kinh nghiệm thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ tại các Tập đoàn, Doanh nghiệp nhà nước”, Tạp chí Tài chính (ISSN 2615- 8973), Kỳ 2 - Tháng 7/2021 (757).
6. Đinh Doãn Cường (2021), “Một số giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát tại các doanh nghiệp khai thác và chế biến than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam”, Tạp chí Công thương (ISSN 0866- 7756), Số 17 - Tháng 7/2021.
7. Đinh Doãn Cường (2021), “Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam”, Tạp chí Tài chính (ISSN 2615-8973), Kỳ 1 - Tháng 8/2021 (758).